TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 173/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 437/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim M, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Châu Văn Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim M trình bày, chị và anh H sau thời gian tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1995, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tình

cảm, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, chỉ vì thương con vợ chồng vẫn sống chung trong nhà, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung Châu Thị Yến N, sinh năm 1996, Châu Thị Yến N1, sinh ngày 21/5/2004 (hiện nay đã trưởng thành) cháu Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011 hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị M, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Kim M xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Đỗ Thị Kim M xác định vợ chồng không có.

Bị đơn anh Châu Văn Ngọc H trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị M, về thời gian sống chung, vợ chồng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung vợ chồng đôi lúc cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, nay chị M xin ly hôn thì anh ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung Châu Thị Yến N, sinh năm 1996, Châu Thị Yến N1, sinh ngày 21/5/2004 (hiện nay đã trưởng thành) cháu Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011 hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị M, khi ly hôn anh đồng ý để chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu H1, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị M không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Chị Đỗ Thị Kim M và anh Châu Văn Ngọc H, do mai mối và tiến đến hôn nhân năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạn phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, và đã ly thân với nhau. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Phía anh H thống nhất theo lời trình bày của chị M và đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh H đều xác định không đến Ủy ban nhân dân xã K để đăng ký kết hôn, chỉ nhờ ông Nguyễn Văn H2 (Phó chủ tịch xã K) làm giúp, chị M, anh H không ký tên theo quy định, mà chỉ làm giấy chứng nhận kết hôn để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã K xác định, Ủy ban nhân dân xã K có cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn chị M, anh H nhưng không vào sổ đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, giấy chứng nhận kết hôn giữa chị M và anh H không có giá trị pháp lý.

Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có thuẫn. Nay chị M, yêu cầu không công nhận vợ chồng, phía anh H đồng ý, do đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị M và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Châu Thị Yến N, sinh ngày 20/02/1996, Châu Thị Yến N1, sinh ngày 21/5/2004, đã trưởng thành nên không đề cập đến. Riêng, cháu Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011, đang sống cùng chị M, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu H1 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị M, phía anh H đồng ý nên cần ổn định cuộc sống cho cháu H1, tiếp tục giao cháu H1 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng, tại đơn khởi kiện chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

Về tài sản chung và nợ: Chị M và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình:

- Không công nhận vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Kim M với anh Châu Văn Ngọc H.

- Chị Đỗ Thị Kim M được tiếp tục chăm sóc con chung tên Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011, anh Châu Văn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị Kim M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Châu Văn Ngọc H cư trú ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Xét thấy, tại phiên Tòa chị M và anh H đều xác định không đến Ủy ban nhân dân xã K để đăng ký kết hôn, sở dĩ anh chị có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125 ngày 11/6/2012 là do anh chị chỉ nhờ ông Nguyễn Văn H2 (Phó chủ tịch xã K) làm giúp để hợp thức làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng thật sự chị M, anh H không có ký ký tên vào giấy chứng nhận kết hôn theo quy định và Ủy ban nhân dân xã K cũng không vào sổ đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 11/6/2012 giữa chị M và anh H không có giá trị pháp lý.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định chị M và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Kim M và anh Châu Văn Ngọc H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có sinh 03 con chung Châu Thị Yến N, sinh năm 1996, Châu Thị Yến N1, sinh ngày 21/5/2004 (hiện nay đã trưởng thành) cháu Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011 hiện nay cháu H1 đang sống chung với chị M, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1, anh H cũng đồng ý để chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu H1.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ

khi ly thân đến nay, cháu H1 sống chung với chị M vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại tờ tự khai cháu H1 có nguyện vọng sống chung với chị M. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H1. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu H1 cho chị M được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên Tòa chị M xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh H, do đó Hội đồng xét xữ nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Kim M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Anh Châu Văn Ngọc H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, khoản 2 Điều 53, *57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều* Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự*; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị Kim M và anh Châu Văn Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Kim M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Châu Quốc H1, sinh ngày 21/7/2011. Anh Châu Văn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đỗ Thị Kim M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Châu Văn Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Kim M, anh Châu Văn Ngọc H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013770 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 19 tháng 6 năm 2023; chị Đỗ Thị Kim M đã nộp đủ án phí.

Anh Châu Văn Ngọc H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn